

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và Dầu khí thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và công dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước, dầu khí thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 582/TTr-SCT ngày 29 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) chính lĩnh vực Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và Dầu khí thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang (gồm 04 TTHC).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị có liên quan cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính vào Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh hoặc Bộ, ngành, Trung ương.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - BTP;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Viễn thông An Giang (VNPT);
- Lưu: VT, htbmai.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Phong

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA NGUY HIỂM VÀ DẦU KHÍ
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

PHẦN I. DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ

STT	Mã TTHC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	GHI CHÚ
I. LĨNH VỰC VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA NGUY HIỂM			
1	1.014967	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9	
2	1.014968	Cấp điều chỉnh Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9	
3	1.014969	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9	
II. LĨNH VỰC DẦU KHÍ			
1	1.013987	Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn đối với các công trình dầu khí thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	

PHẦN II. NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ

I. LĨNH VỰC VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA NGUY HIỂM

1. Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9 - (1.014967). Tổng thời gian thực hiện: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ x 8 giờ = 40 giờ.

STT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/Biểu mẫu
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Giờ hành chính	Phiếu tiếp nhận và trả kết quả
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	Bộ hồ sơ
Bước 3	Kiểm tra hồ sơ: - Phù hợp, thì tiến hành xử lý/giải quyết; - Không phù hợp, thì dự thảo công văn trả lời.	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp	24 giờ	Dự thảo Giấy phép hoặc văn bản trả lời
Bước 4	Xem xét, ký tắt dự thảo và trình Lãnh đạo Sở Công Thương	Lãnh đạo phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	Giấy phép hoặc văn bản trả lời
Bước 5	Ký Giấy phép hoặc văn bản từ chối	Lãnh đạo Sở	04 giờ	Giấy phép hoặc văn bản trả lời
Bước 6	Đóng dấu phát hành	Văn thư	04 giờ	Giấy phép hoặc văn bản trả lời
Bước 7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Giờ hành chính	Giấy phép hoặc văn bản trả lời

2. Cấp điều chỉnh Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9 - (1.014968). Tổng thời gian thực hiện: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ x 8 giờ = 24 giờ.

STT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/Biểu mẫu
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyên xử lý	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Giờ hành chính	Phiếu tiếp nhận và trả kết quả
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	Bộ hồ sơ
Bước 3	Kiểm tra hồ sơ: - Phù hợp, thì tiến hành xử lý/giải quyết; - Không phù hợp, thì dự thảo công văn trả lời.	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp	08 giờ	Dự thảo Giấy phép hoặc văn bản trả lời
Bước 4	Xem xét, ký tắt dự thảo và trình Lãnh đạo Sở Công Thương	Lãnh đạo phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	Giấy phép hoặc văn bản trả lời
Bước 5	Ký Giấy phép hoặc văn bản từ chối	Lãnh đạo Sở	04 giờ	Giấy phép hoặc văn bản trả lời
Bước 6	Đóng dấu phát hành	Văn thư	04 giờ	Giấy phép hoặc văn bản trả lời
Bước 7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Giờ hành chính	Giấy phép hoặc văn bản trả lời

3. Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9 - (1.014969). Tổng thời gian thực hiện: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ x 8 giờ = 16 giờ.

STT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/Biểu mẫu
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyên xử lý	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Giờ hành chính	Phiếu tiếp nhận và trả kết quả
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng Quản lý công nghiệp	02 giờ	Bộ hồ sơ
Bước 3	Kiểm tra hồ sơ: - Phù hợp, thì tiến hành xử lý/giải quyết - Không phù hợp, thì dự thảo công văn trả lời	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp	08 giờ	Dự thảo Giấy phép hoặc văn bản trả lời
Bước 4	Xem xét, ký tắt dự thảo và trình Lãnh đạo Sở Công Thương	Lãnh đạo phòng Quản lý công nghiệp	02 giờ	Giấy phép hoặc văn bản trả lời
Bước 5	Ký Giấy phép hoặc văn bản từ chối	Lãnh đạo Sở	03 giờ	Giấy phép hoặc văn bản trả lời
Bước 6	Đóng dấu phát hành	Văn thư	01 giờ	Giấy phép hoặc văn bản trả lời
Bước 7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Giờ hành chính	Giấy phép hoặc văn bản trả lời

II. LĨNH VỰC DẦU KHÍ

1. Thủ tục Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn đối với các công trình dầu khí thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - (1.013987). Tổng thời gian thực hiện: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ x 8 giờ = 200 giờ.

STT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/Biểu mẫu
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Giờ hành chính	Phiếu tiếp nhận và trả kết quả
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	Bộ hồ sơ
Bước 3	Kiểm tra hồ sơ: - Phù hợp, thì tiến hành xử lý/giải quyết; thông qua Hội đồng thẩm định (Hội đồng có thể xem xét thực tế tại công trình). - Chưa phù hợp, thì dự thảo công văn yêu cầu hiệu chỉnh, bổ sung các nội dung trong tài liệu	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp	184 giờ	Dự thảo văn bản chấp thuận hoặc văn bản yêu cầu hiệu chỉnh, bổ sung
Bước 4	Xem xét, ký tắt dự thảo và trình Lãnh đạo Sở Công Thương	Lãnh đạo phòng Quản lý công nghiệp	04 giờ	Văn bản chấp thuận hoặc văn bản yêu cầu hiệu chỉnh, bổ sung
Bước 5	Ký văn bản chấp thuận hoặc văn bản yêu cầu hiệu chỉnh, bổ sung	Lãnh đạo Sở	04 giờ	Văn bản chấp thuận hoặc văn bản yêu cầu hiệu chỉnh, bổ sung
Bước 6	Đóng dấu phát hành	Văn thư	04 giờ	Văn bản chấp thuận hoặc văn bản yêu cầu hiệu chỉnh, bổ sung
Bước 7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Giờ hành chính	Văn bản chấp thuận hoặc văn bản yêu cầu hiệu chỉnh, bổ sung